TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HC-PT
Ngày 06/01/2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 466/2024/TLTP-HC ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14235/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1937; vắng mặt

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965; có mặt

3. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1972; có mặt

Cùng địa chỉ: đường T, khu A, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D: Ông Phạm Tuấn H2, sinh năm 1968; địa chỉ: khu A, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô Thị Thu T và luật sư Ngô Quốc H3 - Công ty luật TNHH Ngô Thiện thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: số C H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: số A T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Văn Q - Phó Chủ tịch UBND thành phố H; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố H;

Người đại diện: Ông Tăng Văn Q - Phó Chủ tịch UBND thành phố H là Chủ tịch Hội đồng, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Chu Đức H4, sinh năm 1962; địa chỉ: khu A, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: khu A, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày*:

Ngày 17/9/2002, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định thu hồi đất số 802/QĐ-TT về việc thu hồi và giao cho chủ đầu tư thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam, thành phố H và khu Du lịch sinh thái, dịch vụ thành phố H, trong đó có thu hồi đất của 03 hộ là bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1.

Nguồn gốc đất của 03 gia đình bà D, bà H, bà H1 bị thu hồi trước đây là đất của ông cha để lại và sử dụng từ trước ngày 18/12/1980. Năm 2003, UBND thành phố H đã thu hồi một phần đất của 03 gia đình để thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam thành phố H. Gia đình bà H1 bị thu hồi diện tích đất là 50,4m^2, loại đất vườn và gia đình bà D (chung hộ bà D và bà H) bị thu hồi diện tích đất là 82,97m^2, loại đất vườn. Năm 2003, 03 gia đình đã nhận được tiền bồi thường đất thu hồi đợt 1, bàn giao mặt bằng để thi công xây dựng đường vành đai phía Nam.

Năm 2004, UBND thành phố H tiếp tục làm thủ tục để thu hồi lần 2 lấy hết phần đất còn lại của 03 gia đình để thực hiện Dự án xây dựng khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H. Ban giải phóng mặt bằng thành phố đã lập phương án bồi thường, theo đó diện tích đất gia đình bà H1 bị thu hồi là 106,4m^2 (gồm 13,3m^2 đất ở và 93,1m^2 đất vườn), nhà bà D bị thu hồi diện tích 88,2m^2 (gồm 13,3m^2 đất ở, 74,9m^2 đất vườn), nhà bà H bị thu hồi diện tích đất là 82,3m^2 (gồm 13,3m^2 đất ở, 69m^2 đất vườn). Tuy nhiên, khi bồi thường, hỗ trợ về đất cho 03 gia đình, UBND thành phố H không công nhận toàn bộ diện tích đất của 03 gia đình là đất ở nên từ năm 2006 đến năm 2008, 03 gia đình đã làm đơn khiếu nại đến Ban giải phóng mặt bằng và UBND thành phố H đề nghị công nhận toàn bộ diện tích đất thu hồi của 03 gia đình là đất ở. Khiếu nại của 03 gia đình không được UBND thành phố H chấp nhận. Năm 2018, 03 gia đình đã làm đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh H. Ngày 28/10/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành 03 Quyết

định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3147, 3149 và 3151/QĐ-UBND, trong đó có nội dung công nhận toàn bộ diện tích đất thu hồi lần 2 của gia đình bà D (97,7m^2), gia đình bà H (96,5m^2), gia đình bà H1 (106,4m^2) đều là đất ở và giao Chủ tịch UBND thành phố H lập lại phương án bồi thường cho 03 gia đình đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2023, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 4489/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam, thành phố H và khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H. Tuy nhiên, 03 gia đình không nhất trí với Quyết định số 4489 và đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương yêu cầu giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam, thành phố H và khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H với lý do: Khi thu hồi đất đợt 1, vị trí đất của gia đình bà D, bà H, bà H1 là vị trí 2 đường L. Tuy nhiên, khi thu hồi đợt 2 (giai đoạn từ năm 2004 đến nay), thửa đất của 03 gia đình nằm sát đường Thanh Niên nên thuộc vị trí 1 đường Thanh Niên. Căn cứ Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì khi phê duyệt phương án bồi thường năm 2023, UBND thành phố H phải áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013, đó là phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin thửa đất, giá đất thị trường tại thời điểm tháng 12/2023. UBND thành phố H vẫn sử dụng kết quả điều tra, thu thập thông tin từ năm 2003 để xác định vị trí đất ở của 3 gia đình là vị trí 2, đường L để tính giá đất bồi thường cho 3 gia đình là không đúng.

2. Yêu cầu UBND thành phố H lại phương án bồi thường về đất thu hồi lần 1 với giá bồi thường là đất ở và ở vị trí B đường L, giá là 30 triệu đồng/1m^2 với lý do: Năm 2003, gia đình bà D, bà H, bà H1 đã nhận được Bảng tính toán giá trị bồi thường khi thu hồi đất đợt 1 để thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam thành phố H. Cả 03 gia đình đã nhận tiền bồi thường thu hồi đất đợt 1 và đã bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam. Năm 2006, 03 gia đình đã có đơn khiếu nại đề nghị xác định toàn bộ diện tích đất thu hồi (bao gồm cả đợt 1 và đợt 2) là đất ở. Năm 2021, theo Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của UBND tỉnh H đã công nhận toàn bộ diện tích đất của 03 gia đình là đất ở. Do vậy, 03 gia đình đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường về đất khi thu hồi đợt 1 với giá bồi thường là đất ở. Tại thời điểm thu hồi đợt 1, vị trí đất của 03 gia đình là vị trí 2 đường L nên các bà yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường về đất thu hồi lần 1 với giá bồi thường là đất ở và ở vị trí B đường L. Giá đất ở vị trí 2, đường L hiện nay là 30.000.000đ/1m^2.

3. Yêu cầu UBND thành phố H lại phương án bồi thường giá đất đợt thu hồi lần 2 theo vị trí 1, đường Thanh Niên giá là 85 triệu đồng/1m^2 vì căn cứ vào Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư ngày 07/11/2018 đối với hộ bà Nguyễn

Thị G và ông Trần Đình N, được bố trí tái định cư là thửa đất nằm ở vị trí A, đường T (thửa đất này đối diện với thửa đất của 03 gia đình bà D, bà H, bà H1), thể hiện hộ bà G, ông N được bố trí lô đất tái định cư với giá 85 triệu đồng/1m^2. Do vậy, các bà yêu cầu UBND thành phố H lại phương án bồi thường đất đợt thu hồi lần 2 theo vị trí 1, đường T, giá là 85 triệu đồng/1m^2.

4. Yêu cầu tính lại phương án bồi thường công trình, cây cối gắn liền với đất đợt thu hồi lần 2 vì từ khi Hội đồng GPMB thành phố kiểm đếm tài sản và lập bảng tính toán bồi thường năm 2003, 03 gia đình đã cải tạo, xây dựng thêm công trình và trồng một số cây cối. Cụ thể: Vào khoảng năm 2011, bà D đã sửa nhà xây từ năm 1995 và xây thêm tầng 2 để ở. Năm 2018, bà H đã phá nhà tạm xây từ năm 1996 và xây lại một nhà cấp 4 để ở. Năm 2010, bà H1 đã sửa lại nhà cấp 4 và xây thêm 02 gian phía sau nhà và công trình phụ. Đối với cây cối hoa màu trên đất: Hiện nay nhà bà H có 01 cây xoài và 01 cây nhãn; nhà bà H1 có 01 cây bơ và 01 cây mít. Tuy nhiên, UBND thành phố H không làm thủ tục kiểm đếm, xem xét hiện trạng thực tế mà lại căn cứ kết quả kiểm đếm từ năm 2003-2004 để làm phương án bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây cối cho 03 gia đình là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đồng thời là người đại diện của HĐGPMB thành phố H là ông Tăng Văn Q - Phó Chủ tịch UBND thành phố H trình bày*:

UBND thành phố H và Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố H không nhất trí các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Cụ thể như sau:

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND thành phố H:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 4489 do UBND thành phố H ban hành là đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục ban hành được thực hiện đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về nội dung:

+ Về việc xác định vị trí đất: Căn cứ theo Quyết định thu hồi đất số 802 ngày 17/9/2002, Quyết định số 466 ngày 14/5/2004 thay thế Quyết định số 802 của Thủ tướng Chính phủ và bản đồ đo vẽ năm 1995 của phường H, tại tờ bản đồ số 2, UBND thành phố H xác định vị trí đất thu hồi đợt 2 để thực hiện Dự án xây dựng khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H của 03 hộ bà D, bà H, bà H1 là hạ tầng cũ theo các Quyết định thu hồi đất của Thủ tướng Chính phủ năm 2002 và 2004, cụ thể vị trí đất của 03 hộ là vị trí 2, đường L.

+ Về giá đất: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 112, khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 quy định về giá đất cụ thể được sử dụng làm căn cứ bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Trên cơ sở khảo sát, điều tra, thu thập thông tin thửa đất, giá đất thị trường và căn cứ ủy quyền của UBND tỉnh H, UBND thành phố đã tiến hành khảo sát xây dựng giá đất cụ thể tại thời điểm hiện nay và ban hành Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc phê duyệt giá đất ở bồi thường. Theo đó đơn giá đất ở vị trí 2, đường L là 30 triệu đồng/1m^2.

2. Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường về đất thu hồi lần 1 với giá bồi thường là đất ở và ở vị trí B đường L, giá là 30 triệu đồng/1m^2:

Đối với lần thu hồi đất đợt 1 để thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã thực hiện việc kiểm kê đất, tài sản, cây cối hoa màu trên đất của 03 gia đình bà D, bà H, bà H1 vào năm 2003. Các gia đình đã nhận được bảng tính toán phương án bồi thường, sau đó đã nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án vào năm 2003 và không có khiếu nại gì đối với việc thu hồi đất đợt 1. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì đến nay yêu cầu này của 03 gia đình đã hết thời hiệu khởi kiện.

3. Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường giá đất đợt thu hồi lần 2 theo vị trí 1, đường T với giá là 85 triệu đồng/1m^2: UBND thành phố H xác định vị trí đất thu hồi đợt 2 của 03 gia đình là vị trí 2, đường L nên 03 gia đình đề nghị tính lại phương án bồi thường giá đất đợt thu hồi lần 2 theo vị trí 1, đường T với giá là 85 triệu đồng/1m^2 là không có căn cứ.

4. Đối với yêu cầu tính lại phương án bồi thường công trình, cây cối gắn liền với đất đợt thu hồi lần 2: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013: "*Tài sản gắn liền với đất tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không được bồi thường*". Đối với các tài sản 03 gia đình xây dựng, cải tạo và trồng thêm cây cối, hoa màu trên đất sau khi có thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường. Trên cơ sở Biên bản kiểm kê năm 2004, Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố đã lập lại phương án bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất và áp dụng đơn giá bồi thường theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 và Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh H là đúng quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo pháp luật của UBND phường L trình bày*:

Thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh H, UBND phường L đã phối hợp với UBND thành phố H, các phòng ban chức năng của thành phố và khu dân cư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án theo đúng trình tự, thủ tục về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Hiện nay, bà D, bà H, bà H1 có yêu cầu khởi kiện, UBND phường L đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ và giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 49, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 92, Điều 112, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 về nội dung:

- Buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường về đất thu hồi lần 1 với giá bồi thường là đất ở và ở vị trí B đường L, giá là 30 triệu đồng/1m^2.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 về các nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng đường vành đai phía Nam, thành phố H và xây dựng khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H.

- Buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường giá đất đợt thu hồi lần 2 theo vị trí 1, đường Thanh Niên giá là 85 triệu đồng/1m^2.

- Buộc UBND thành phố H lại phương án bồi thường công trình, cây cối trên đất đợt thu hồi lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/7/2024, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị D vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H1; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày tại phiên tòa: Thứ nhất, phần định giá đất khu du lịch sinh thái để làm căn cứ thanh toán cần đảm bảo lợi ích cho người dân bị thu hồi đất, bà D, H, Huế đều là gia đình có công cới cách mạng, gia đình liệt sĩ nhưng Ủy ban nhân dân (UBND) lại không quan tâm, chính sách thu hồi đất và bồi thường không đảm bảo cho các gia đình, bị thu hồi 1 phần diện tích, cần sửa chữa, tường bao để đảm bảo an ninh cho gia đình. Thứ hai, năm 2004 tiến hành thu hồi đất lần hai, gia đình phía người khởi kiện bị thu hồi toàn bộ, phải di chuyển sang khu tái định cư, toàn bộ tổng số tiền bồi thường không đủ để trả tiền đất tái định cư. Thứ ba, UBND tỉnh H đã trả lời cho gia đình người khởi kiện, loại đất là đất ở không phải đất vườn, như vậy UBND thành phố H đã áp dụng sau loại đất, bồi thường khi thu hồi chỉ trả 30.000.000đ/m^2 nhưng khi cấp cho người tái định cư lại yêu cầu trả 85.000.000đ/m^2. Gia đình bà D, H, H1 đã nộp đơn lên TAND tỉnh Hải Dương đề nghị xem xét lại vị trí đất tại địa chỉ số A đường T để xem xét lại giá trị bồi thường, xem xét lại loại đất là đất

ở không phải đất vườn. Người khởi kiện kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật TTHC, giữ nguyên Bản án số 08/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của TAND tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật, hình thức nội dung phù hợp nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với các đương sự người khởi kiện bà Nguyễn Thị D, người bị kiện UBND thành phố H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Đức H4; UBND phường L, thành phố H, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố H vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền hoặc có văn bản xin xét xử vắng mặt cùng như văn bản ghi ý kiến trong quá trình xét xử. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 kiện đề nghị hủy Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng đường vành đai phía Nam, thành phố H và xây dựng khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H (*gọi tắt là Quyết định số 4489/QĐ-UBND*). Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ Quyết định thu hồi đất số 802/QĐ-TT ngày 17/9/2002, Quyết định thu hồi đất số 466 ngày 14/5/2004 thay thế Quyết định số 802 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định số 3147, 3149, 3151/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại

lần 2 của các hộ bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, ngày 19/12/2023 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4489 là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh H giao lập lại phương án bồi thường đối với các hộ bà D, bà H, bà H1, UBND thành phố H đã giao Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố lập lại bảng tính toán phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho 03 gia đình trên cơ sở biên bản kiểm kê đã lập năm 2003, 2004. Khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, UBND thành phố H ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; thực hiện gửi Quyết định cho 03 hộ gia đình và niêm yết công khai theo quy định. Như vậy trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 4489/QĐ-UBND của UBND thành phố H đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai.

[2.3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4489 do bà D, bà H, bà H1 cho rằng UBND thành phố H đề nghị hủy, thấy:

Ngày 17/9/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 802 về việc thu hồi đất và giao đất cho chủ đầu tư thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam, thành phố H và khu Du lịch sinh thái, dịch vụ thành phố H (*gọi tắt là Dự án*) (*đến ngày 14/5/2004 ban hành Quyết định số 466 thay thế Quyết định số 802*). Tại Điều 1 Quyết định thu hồi đất số 466 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "*Thu hồi 359.221m^2 đất, thuộc phường L (200.211m^2) và phường H (159.010m^2), thành phố H, tỉnh Hải Dương để xây dựng đường vành đai phía Nam thành phố H, xây dựng khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H.... Vị trí, ranh giới các khu đất được xác định theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất đường vành đai phía Nam, Khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H, tỉnh Hải Dương, tỷ lệ 1/1000 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh H xác lập ngày 18/02/2004*". Căn cứ Bản đồ đo đạc hiện trạng đất do Sở T lập thì toàn bộ diện tích đất thu hồi của 03 hộ bà D, bà H, bà H1 nằm trong ranh giới thu hồi đất theo các Quyết định thu hồi đất của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời do UBND tỉnh H cấp ngày 04/12/2001 mang tên Nguyễn Xuân T1, Phạm Thị H thì tại thời điểm thu hồi đất, vị trí đất của 03 hộ nằm giáp đường xóm, thuộc vị trí 2, đường L.

Dự án được triển khai thành 02 đợt bồi thường, trong đó đợt 1 năm 2003 để thực hiện dự án đường vành đai phía nam thành phố H và đợt 2 năm 2004 để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái, dịch vụ thành phố H. Năm 2006, Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố H tham mưu, lập phương án bồi thường khi thu hồi đất đợt 2 và xét duyệt nguồn gốc đất của 03 hộ bà D, bà H, bà H1 chưa đúng dẫn đến việc UBND tỉnh H đã phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/10/2006 chưa đảm bảo quyền lợi cho các hộ. Tại các Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3147, 3149 và 3151/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND tỉnh H đã giao UBND thành phố H lập lại phương án bồi thường cho 03 hộ. Năm 2023, UBND thành phố H đã áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013 để tính toán phương án bồi thường về đất và tài sản trên đất là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014 của Chính phủ.

Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, thông tin về các thửa đất thu hồi của hộ bà D, bà H, bà H1 đã nằm toàn bộ trong phạm vi thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai phía Nam và xây dựng khu du lịch sinh thái và dịch vụ thành phố H theo Quyết định thu hồi đất số 802/QĐ-TTg ngày 17/9/2002 (*đến ngày 14/5/2004 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 466 thay thế Quyết định số 802*). Như vậy, việc xác định vị trí đất thu hồi cần phải căn cứ vào Quyết định thu hồi đất của Thủ tướng chính phủ và bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng khi thu hồi đất là vị trí 2, đường L. Còn tại thời điểm từ năm 2002, năm 2003 đến nay đất của hộ bà D, bà H, bà H1 đã bị thu hồi bởi Quyết định của Thủ tướng chính phủ để thực hiện dự án xây dựng đường vành đai phía nam thành phố H và Khu du lịch, sinh thái, dịch vụ thành phố H, không còn đất của 3 gia đình mà hiện nay đất là thuộc khu du lịch, sinh thái, dịch vụ thành phố H nằm cạnh đường T, thành phố Hn đường mới được hình thành khi thực hiện dự án. Đây không phải 2 dự án độc lập mà là 1 dự án do Thủ Tướng Chính phủ thu hồi và khi thực hiện dự án thì chia ra làm 2 đợt thực hiện việc bồi thường.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, điều tra, thu thập thông tin thửa đất, giá đất thị trường, UBND thành phố Hy dựng giá đất cụ thể để tính giá đất ở bồi thường cho 03 hộ bà D, bà H, bà H1ngày 21/8/2023 ban hành Quyết định số 2708/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất ở bồi thường với đơn giá đất ở vị trí 2, đường L30 triệu đồng/1m^2 là thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 74; Điều 112; khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Hệc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể.

Thực tế hiện nay thửa đất của 03 hộ nằm sát đường Thanh Niên nên khi phê duyệt phương án bồi thường năm 2023, các hộ đề nghị xác định vị trí đất là vị trí 1, đường Thông có căn cứ vì thửa đất vẫn tồn tại là do quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng đợt 2 các hộ còn có khiếu nại nên UBND thành phố chưa thực hiện được việc giải phóng mặt bằng để bàn giao đất cho chủ đầu tư.

[2.4] Do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND thành phố Hng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu buộc UBND thành phố Hphương án bồi thường về đất thu hồi lần 1 với giá bồi thường là đất ở và ở vị trí B đường L, giá là 30.000.000 đồng/1m^2:

Năm 2003, Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố Hp bảng tính toán phương án bồi thường đối với 03 hộ gia đình bà D, bà H, bà H1. Theo đó, hộ gia đình bà D, bà Hthu hồi diện tích đất là 82,97m², loại đất vườn, gia đình bà H1thu hồi diện tích đất là 50,4m², loại đất vườn. Ngay trong năm 2003, cả 03 gia đình đều đã nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng để thi công đường vành đai phía Nam. Tại buổi đối thoại, người khởi kiện xác định năm 2006 đã có đơn khiếu nại đề nghị công nhận toàn bộ diện tích đất thu hồi bao gồm cả đợt 1 và đợt 2 đều là đất ở. Tuy nhiên, các đương sự không cung cấp được tài liệu thể hiện 03 gia đình

có khiếu nại đối với lần thu hồi đất đợt 1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật TTHC thì thời hiệu khởi kiện đối với lần thu hồi đất đợt 1 đã hết. Do vậy cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố Hphương án bồi thường giá đất đợt thu hồi lần 2 theo vị trí 1, đường Tlà 85.000.000 đồng/1m^2: Đây là dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thu hồi đất được thực hiện bởi 2 giai đoạn. Diện tích đất thu hồi của 3 hộ dân nêu trên thuộc vị trí 2, nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố Hphương án bồi thường công trình, cây cối gắn liền đất đợt thu hồi lần 2 thì thấy rằng: Khi cải tạo, sửa chữa lại nhà ở, các gia đình đều không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xây dựng. Do vậy, các tài sản của 03 gia đình phát sinh sau khi có thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường theo quy định pháp luật. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện là đúng pháp luật.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1i chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà D, bà H, bà H1c xác định là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1;

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Phạm Việt Hà